

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ D
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 383/2018/HS-ST
Ngày 26-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ D TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

2. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chiến, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 348/2018/HSST ngày 30 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 394/2018/HSST-QĐ ngày 12/11/2018 đối với bị cáo:

Trần Thị H, sinh năm 1984 tại tỉnh Lào Cai; thường trú: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh L; chỗ ở: Nhà nghỉ Dạ Lan, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh B; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn K, sinh năm 1950 và con bà Hoàng Thị D, sinh năm 1952; tiền án, tiền sự : Không; bị bắt giam ngày 03/8/2018, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Đỗ Thị Thu Tr, sinh năm 1992; thường trú: tổ 26A, khu phố TT, phường M, thành phố Y, tỉnh YB. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 38, khu phố H, phường Nguyễn Thái H, thành phố Y, tỉnh YB. Vắng mặt

+ Anh Trần Anh Đ, sinh năm 1993; địa chỉ: 4/13 khu phố Tân Quý, phường Đ, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt

+ Anh Lê Thanh Đ, sinh năm 1988; thường trú: ấp Sáu Thử, xã Đại Ân 1, huyện C, tỉnh S. Vắng mặt

+ Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1957; địa chỉ: Số 46/5 khu phố TA, phường Đông Hòa, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt

Người tham gia tố tụng khác:

- *Người làm chứng:*

+ Anh Đoàn Mạnh H, sinh năm 1984; thường trú: tổ 26A, phường M, thành phố Y, tỉnh YB. Vắng mặt

+ Anh Đỗ Thành C, sinh năm 1998; địa chỉ: 373 đường Lê Đức Thọ, phường 17, quận G, thành phố H. Vắng mặt

+ Anh Trịnh Quốc B, sinh năm 1994; địa chỉ: 281/12 khu phố TB, phường Đ, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị H, Nguyễn Thị Ngọc Th và Đỗ Thị Thu Tr là bạn bè của nhau và đều là gái bán dâm. H và Th thuê phòng số 302, còn Tr thuê phòng số 305 tại nhà nghỉ Dạ Lan, địa chỉ Khu dân cư 19/8, khu phố TB, phường Đ, thị xã D, tỉnh B để ở. Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 02 tháng 8 năm 2018, Lê Thanh Đ gọi điện thoại vào số 0923713587 của H hỏi cần hai gái bán dâm để mua dâm và thỏa thuận mua bán dâm với giá 400.000 đồng/01 lần/1 khách, tiền phòng khách trả thì H đồng ý. Thỏa thuận xong thì H nói Đ đến nhà nghỉ Dạ Lan thuê 02 phòng và nhắn tin cho H biết số phòng để gái bán dâm đến. Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, Lê Thanh Đ, Trần Đức A đến nhà nghỉ Dạ Lan thuê phòng số 104, 105 rồi nhắn tin cho H biết. Lúc này, H nói cho Th và Tr biết có Đ và A cần mua dâm và cho xem tin nhắn để biết số phòng. H nói “*chị đã đi hai khách rồi hai đưa em chưa đi khách nào nên giờ hai đưa em xuống đi khách cho hai khách dưới đó để mở hàng*” nghe vậy thì Th, Tr đồng ý. Th, Tr đi xuống lầu một, Tr vào phòng số 105 để bán dâm cho Đ, còn Th vào phòng số 104 bán dâm cho A, tiền mua dâm Đ trả cho cả Tr và Th là 800.000 đồng. Trong khi Tr và Đ, Th và A đang thực hiện hành vi mua, bán dâm thì bị lực lượng Công an thị xã D tiến hành kiểm tra hành chính phát hiện và làm rõ hành vi môi giới mại dâm của H và chuyển cơ quan điều tra Công an thị xã D giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với khách mua dâm là Trần Đức A và Lê Thanh Đ: Ngày 12/10/2018 Công an thị xã D đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi mua dâm theo quy định tại Khoản 1 Điều 22 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Đối với gái bán dâm là Nguyễn Thị Ngọc Th và Đỗ Thị Thu Tr: Ngày 12/10/2018 Công an thị xã D đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi bán dâm theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Đối với ông Hoàng Xuân D là chủ nhà nghỉ Dạ Lan đã chết và ông Hoàng Văn L quản lý nhà nghỉ không biết H, Th, Tr thuê nhà nghỉ để mua bán dâm nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D không đề cập xử lý.

Vật chứng thu giữ: 04 cái bao cao su hiệu Vip (02 cái bao cao su đã qua sử dụng, 02 cái bao cao su chưa qua sử dụng); số tiền 800.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Philips màu đen, sim số 0923713587; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng gold không có sim;

Cáo trạng số 352/CT-VKS ngày 29/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B truy tố bị cáo Trần Thị H về tội Môi giới mại dâm theo điểm d khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo H từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng đến 05 (năm) năm và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án bị cáo H nói lời sau cùng: Bị cáo biết việc mình làm là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên Tòa bị cáo Trần Thị H khai nhận vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 02 tháng 8 năm 2018, Lê Thanh Đ gọi điện vào số máy 0923713587 của H để hỏi cần hai gái bán dâm để mua dâm và thỏa thuận mua bán dâm với giá 400.000 đồng/01 lần/1 khách, tiền phòng khách trả thì H đồng ý. Khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày Đ, A đến nhà nghỉ Dạ Lan thuê phòng 104, phòng 105 và nhắn tin báo cho H biết, H cho Th và Tr xem tin nhắn đến của Đ và nói “*chị đã đi hai khách rồi hai đứa em chưa đi khách nào nên giờ hai đứa em xuống đi khách cho hai khách dưới đó để mở hàng*” nghe vậy thì Th, Tr đồng ý và trực tiếp đi bán dâm với số tiền 400.000 đồng/1 khách.

Tại Điều 328. Tội môi giới mại dâm, Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt để người khác thực hiện việc mua dâm, bán dâm, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

- a) Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi;
- b) Có tổ chức;
- c) Có tính chất chuyên nghiệp;
- d) Phạm tội 02 lần trở lên;
- đ) Đối với 02 người trở lên;

...

Như vậy, bị cáo Trần Thị H làm trung gian, dẫn dắt cho Nguyễn Thị Ngọc Th và Đỗ Thị Thu Tr đi bán dâm đã đủ yếu tố cấu thành tội Môi giới mại dâm. Bản cáo trạng số 352/CT - VKS ngày 29/10/2018 của Viện kiểm sát thị xã D, tỉnh B truy tố bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên ngày hôm nay đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ tội phạm: Tội phạm do bị cáo H thực hiện là nghiêm trọng, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện phạm tội một cách cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã xâm phạm đến đạo đức, thuần phong mỹ tục, đời sống văn hóa mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, hành vi trên của bị cáo phải được xét xử nghiêm. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xem xét bị cáo có những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để có mức hình phạt phù hợp tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm do bị cáo gây ra.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Thị H không có

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Thị H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cha bị cáo là ông Nguyễn Văn K được tặng Huy chương kháng chiến Hạng Nhất. Tình tiết trên được quy định tại điểm s khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo H có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

Bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo H có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo không hưởng lợi từ việc phạm tội vì vậy xét thấy bị cáo H có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội nên không cần phải bắt bị cáo H chấp hành hình phạt tù. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị H mức án tù cho hưởng án treo và giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục cũng có tác dụng giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[5] Đối với Tr, Th, Đ và A là những người mua, bán dâm đã bị xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật. Đối với ông Hoàng Xuân D là chủ nhà nghỉ Dạ Lan đã chết và ông Hoàng Văn L quản lý nhà nghỉ không biết H, Th, Tr thuê nhà nghỉ để bán dâm nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D không đề cập xử lý là đúng quy định của pháp luật

[6] Về vật chứng: Đối với 04 cái bao cao su hiệu Vip (02 cái bao cao su đã qua sử dụng, 02 cái bao cao su chưa qua sử dụng); sim số 0923713587 là vật chứng liên quan đến việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 800.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Philips màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng gold là vật chứng liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[7] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thị xã D, tỉnh B đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, mức hình phạt đối với bị cáo Trần Thị H và việc xử lý vật chứng. Xét quan điểm trên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo Trần Thị H phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị H phạm tội Môi giới mại dâm.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị H cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện VB, tỉnh L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật Thi Hành án Hình sự.

Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tuyên trả tự do cho bị cáo Trần Thị H ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: Số tiền 800.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Philips màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus gold màu vàng.

- Tịch thu tiêu hủy 04 cái bao cao su hiệu Vip (02 cái bao cao su đã qua sử dụng, 02 cái bao cao su chưa qua sử dụng) và sim số 0923713587;

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/10/2018).

2. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Bị cáo Trần Thị H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã D;
- Công an thị xã D;
- Chi cục THA dân sự thị xã D;
- TAND tỉnh B;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh B;
- Phòng PC 81 CA tỉnh B;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Kiều Thị Uyên